PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 96/2014/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2014*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền gửi ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Các công cụ chuyển nhượng ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bao gồm:

a) Vi phạm quy định về quản lý và sử dụng giấy phép;

b) Vi phạm quy định về tổ chức, quản trị, điều hành;

c) Vi phạm quy định về cổ phần, cổ phiếu;

d) Vi phạm quy định về huy động vốn và phí cung ứng dịch vụ;

đ) Vi phạm quy định về cấp tín dụng, nhận ủy thác, ủy thác và hoạt động liên ngân hàng;

e) Vi phạm quy định về hoạt động thông tin tín dụng;

g) Vi phạm quy định về hoạt động ngoại hối và kinh doanh vàng;

h) Vi phạm quy định về thanh toán, quản lý tiền tệ và kho quỹ;

i) Vi phạm quy định về mua, đầu tư vào tài sản cố định và kinh doanh bất động sản;

k) Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng;

l) Vi phạm quy định về bảo hiểm tiền gửi;

m) Vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền;

n) Vi phạm quy định về chế độ thông tin, báo cáo;

o) Vi phạm quy định về cản trở việc thanh tra, không thực hiện yêu cầu của người có thẩm quyền.

3. Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến quản lý nhà nước về tiền tệ và ngân hàng được quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ thì áp dụng quy định tại các Nghị định đó để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Hình thức xử phạt, mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp về một hoặc một số hoạt động, dịch vụ ngân hàng và một số hoạt động kinh doanh khác thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng hoặc đình chỉ có thời hạn đối với một hoặc một số hoạt động ngân hàng và một số hoạt động kinh doanh khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) cấp phép có vi phạm quy định của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền:

a) Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đối với tổ chức vi phạm là 2.000.000.000 đồng và đối với cá nhân vi phạm là 1.000.000.000 đồng;

b) Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với cá nhân; trừ các trường hợp quy định đối tượng vi phạm là tổ chức. Mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân;

c) Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm khi thực hiện công việc của cá nhân thuộc quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô bằng 10% (mười phần trăm) mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này; mức phạt tiền đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô gấp đôi mức phạt tiền đối với cá nhân thuộc quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô;

d) Thẩm quyền phạt tiền của từng chức danh quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền áp dụng đối với cá nhân. Thẩm quyền phạt tiền áp dụng đối với tổ chức bằng 02 lần thẩm quyền phạt tiền áp dụng đối với cá nhân.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả được quy định cụ thể tại Chương II Nghị định này.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC PHẠT TIỀN

Mục 1
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG GIẤY PHÉP

Điều 4. Vi phạm quy định về giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tên ghi trên các tài liệu, giấy tờ trong hoạt động không đúng tên ghi trong giấy phép.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo đủ các điều kiện quy định về điều kiện khai trương hoạt động quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Gian lận các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp giấy phép trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định này;

b) Cho mượn, cho thuê, mua, bán, chuyển nhượng giấy phép;

c) Tẩy xóa, sửa chữa giấy phép làm thay đổi nội dung giấy phép.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Giả mạo các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp giấy phép trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định này;

b) Hoạt động không đúng nội dung ghi trong giấy phép, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 18, Khoản 7 Điều 24, Điểm d Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 25 Nghị định này.

5. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động sau khi đã bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp đình chỉ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 59 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Điểm a Khoản 2 Điều 148 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không có giấy phép, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 24, Điểm d Khoản 2, Điểm a Khoản 4, Khoản 7 Điều 25 Nghị định này.

7. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật là giấy phép đã bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này.

8. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các Điểm a, b Khoản 3, các Khoản 4, 5 và 6 Điều này;

b) Đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi giấy phép đối với hành vi vi phạm tại Điểm a Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này;

c) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 3, 4, 5, 6 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 5. Vi phạm quy định về những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động nghiệp vụ ngân hàng khi chưa được Ngân hàng Nhà nước xác nhận.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với việc thực hiện một trong các hành vi sau đây khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:

a) Thay đổi tên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chi nhánh của tổ chức tín dụng;

b) Tạm ngừng hoạt động kinh doanh quá 01 ngày làm việc, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi mức vốn điều lệ, mức vốn được cấp khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

5. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với việc thực hiện một trong các hành vi sau đây khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:

a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, sở giao dịch, chi nhánh của tổ chức tín dụng, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài.

6. Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với việc thực hiện một trong các hành vi sau đây khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:

a) Thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại các Khoản 2, 3 Điều 103 và Khoản 3 Điều 110 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế;

d) Mua lại cổ phần của cổ đông mà sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại dẫn đến việc giảm vốn điều lệ theo quy định tại Điều 57 Luật Các tổ chức tín dụng.

7. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà chưa được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

8. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động niêm yết cổ phiếu trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này.

9. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Chưa cho chia cổ tức đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 6 Điều này cho đến khi khôi phục lại vốn điều lệ;

b) Buộc thoái vốn tại công ty con, công ty liên kết đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, b Khoản 6 Điều này;

c) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 5, các Điểm b và d Khoản 6 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Mục 2
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

Điều 6. Vi phạm quy định về quản trị, điều hành

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vi phạm quy định về Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát quy định tại Điều 43, Điều 44, Điều 62, Khoản 1 Điều 70, Điều 81 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Không duy trì việc đảm bảo đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Không tổ chức hoặc tổ chức Đại hội đồng cổ đông không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi bầu, bổ nhiệm những người không được cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 34 và Khoản 3 Điều 83 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Bầu, bổ nhiệm những người không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại các Khoản 2, 3 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Bầu, bổ nhiệm những chức danh quy định tại Khoản 5 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi bầu, bổ nhiệm những chức danh không đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng.

5. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi bầu, bổ nhiệm những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tìm người thay thế các đối tượng được bầu, bổ nhiệm vi phạm quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này;

b) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện quy định tại Điểm a Khoản này, đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định miễn nhiệm các đối tượng được bầu, bổ nhiệm vi phạm quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về ban hành quy định nội bộ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không gửi Ngân hàng Nhà nước một hoặc một số các văn bản quy định nội bộ theo quy định tại Khoản 3 Điều 93 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không ban hành một hoặc một số các quy định nội bộ quy định tại Khoản 2 Điều 93 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Ban hành quy định nội bộ quy định tại Khoản 2 Điều 93 Luật Các tổ chức tín dụng có nội dung không đúng quy định của pháp luật;

c) Không ban hành một hoặc một số các quy định nội bộ quy định tại Điều 20 Luật Phòng, chống rửa tiền.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ ngay quy định nội bộ không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, kiểm toán độc lập

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo kết quả kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Không thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn trong thời hạn 30 ngày theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kiểm toán nội bộ không thực hiện những nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan;

b) Không thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Khoản 3 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc Ban kiểm soát.

5. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định tại Khoản 2 Điều 40 Luật Các tổ chức tín dụng.

Mục 3
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 9. Vi phạm quy định về cổ phần, cổ phiếu

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không phát hành cổ phiếu đối với trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày khai trương hoạt động đối với tổ chức tín dụng thành lập mới hoặc trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua đối với tổ chức tín dụng tăng vốn điều lệ;

b) Cổ đông sáng lập không nắm giữ số cổ phần tối thiểu về tỷ lệ và thời gian quy định tại Khoản 5 Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Mua lại cổ phần của cổ đông mà sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại không đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng quy định tại Khoản 1 Điều 130 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bán số cổ phần vượt tỷ lệ theo quy định trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Buộc thực hiện đúng tỷ lệ an toàn trong thời hạn tối đa 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

c) Chưa cho chia cổ tức đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này cho đến khi khắc phục xong vi phạm;

d) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 10. Vi phạm quy định về góp vốn, mua cổ phần

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi dùng nguồn vốn khác ngoài vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần không đúng quy định tại Khoản 1 Điều 103, Khoản 1 Điều 110 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động kinh doanh quy định tại Khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng nhưng không thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết.

3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác không đúng điều kiện và vượt giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước.

4. Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vi phạm về giới hạn góp vốn, mua cổ phần quy định tại Điều 129 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Vi phạm quy định về góp vốn, mua cổ phần quy định tại Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng.

5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi số vốn sử dụng không đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc chuyển nhượng phần vốn góp, mua cổ phần không đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này;

c) Chưa cho chia cổ tức đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này cho đến khi khắc phục xong vi phạm;

d) Không cho mở rộng phạm vi, quy mô và địa bàn hoạt động trong thời gian chưa khắc phục xong vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

đ) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều này;

e) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 11. Vi phạm quy định về chào bán, chuyển nhượng cổ phần

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cổ đông là cá nhân là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng chuyển nhượng cổ phần trong thời gian đảm nhiệm chức vụ;

b) Cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng chuyển nhượng cổ phần trong thời gian người đại diện đảm nhiệm chức vụ.

2. Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi chuyển nhượng cổ phần trong thời gian xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân thành

viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) trừ một trong các trường hợp quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 2 Điều 56 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại số cổ phần đã chuyển nhượng quy định tại Điều này trong thời gian tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực;

b) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Mục 4
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HUY ĐỘNG VỐN VÀ PHÍ CUNG ỨNG DỊCH VỤ

Điều 12. Vi phạm quy định về nhận tiền gửi

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi nhận tiền gửi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đúng quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân khi không được phép nhận tiền gửi.

Điều 13. Vi phạm quy định về phát hành giấy tờ có giá

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Phát hành giấy tờ có giá không đúng một trong các nội dung tại văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền;

b) Không thực hiện đúng quy định về đối tượng được mua giấy tờ có giá, điều kiện phát hành giấy tờ có giá, điều kiện chuyển đổi đối với trái phiếu chuyển đổi.

2. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi phát hành giấy tờ có giá bằng đồng Việt Nam, bằng ngoại tệ để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài khi chưa được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi các giấy tờ có giá đã phát hành và hoàn trả cho khách hàng số tiền theo mệnh giá và tiền lãi theo mức lãi suất đã được thỏa thuận đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1,2 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về lãi suất huy động vốn, phí cung ứng dịch vụ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không niêm yết công khai lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ theo quy định;

b) Niêm yết lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ không rõ ràng, gây nhầm lẫn cho khách hàng;

c) Thu các loại phí cung ứng dịch vụ không đúng quy định pháp luật trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 15, Điểm g Khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi áp dụng lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ cao hơn mức đã niêm yết.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về lãi suất huy động vốn; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về lãi suất, tiền tệ và tài sản tài chính khác, trừ hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này và Điểm b Khoản 6 Điều 24 Nghị định này.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm mức phí cung ứng dịch vụ quy định tại Điều này;

b) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Mục 5
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẤP TÍN DỤNG, NHẬN ỦY THÁC, ỦY THÁC VÀ HOẠT ĐỘNG LIÊN NGÂN HÀNG

Điều 15. Vi phạm quy định về cấp tín dụng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Lưu giữ hồ sơ cấp tín dụng không đúng quy định của pháp luật;

b) Phát hành cam kết bảo lãnh không theo mẫu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thiết kế.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Lập hợp đồng cấp tín dụng không đủ các nội dung theo quy định của pháp luật;

b) Miễn, giảm lãi suất cấp tín dụng không đúng quy định của pháp luật;

c) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ không đúng quy định của pháp luật;

d) Áp dụng lãi suất cấp tín dụng không đúng quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cấp tín dụng không có hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản;

b) Thu không đúng quy định của pháp luật các loại phí liên quan đến hoạt động cấp tín dụng;

c) Ép khách hàng sử dụng tiền vay gửi lại chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

5. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cấp tín dụng đối với tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Vi phạm quy định về cấp tín dụng tại Khoản 3 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng;

d) Vay vốn thông qua khách hàng vay;

đ) Ký hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vi phạm giới hạn cấp tín dụng quy định tại các Khoản 2, 4 Điều 127; các Khoản 1, 2, 8 Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Chuyển nhượng quyền, nghĩa vụ của bên bảo lãnh, bên bảo lãnh đối ứng, bên xác nhận bảo lãnh cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;

c) Cấp tín dụng dưới hình thức khác khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

7. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về giới hạn và điều kiện cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Khoản 5 Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng.

8. Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi cấp tín dụng đối với tổ chức, cá nhân quy định tại các Khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật Các tổ chức tín dụng.

9. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi phần số dư cấp tín dụng vượt mức hạn chế, giới hạn trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 6, Khoản 7 Điều này;

b) Buộc thu hồi nợ trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điểm b, d Khoản 5, Khoản 8 Điều này;

c) Buộc cổ đông lớn, cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần, vốn góp theo quy định của pháp luật trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều này;

d) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5, Điểm a Khoản 6, Khoản 7 và Khoản 8 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 16. Vi phạm quy định về nhận ủy thác và ủy thác

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhận ủy thác, ủy thác không đúng đối tượng theo quy định của pháp luật;

b) Lập hợp đồng ủy thác không đúng theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi nhận ủy thác, ủy thác không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ nghiệp vụ ủy thác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả/thu hồi tài sản ủy thác cho bên ủy thác đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

b) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 17. Vi phạm quy định về mua trái phiếu doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không giám sát việc sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi lập hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp không đủ các nội dung theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi mua trái phiếu doanh nghiệp không có hợp đồng.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thẩm định, kiểm tra phương án và các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp để xem xét quyết định mua trái phiếu doanh nghiệp khi chưa có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Không thẩm định, kiểm tra phương án và các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp;

c) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi.

5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi nợ trong thời hạn tối đa 01 năm kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này;

b) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 18. Vi phạm quy định trong hoạt động liên ngân hàng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cập nhật và lưu giữ thông tin giao dịch cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá không đúng quy định của pháp luật;

b) Không xác nhận thực hiện giao dịch theo quy định;

c) Lập hợp đồng cho vay, mua lại giấy tờ có giá không đúng hình thức, nội dung theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy định về thời hạn cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi và mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá;

b) Không thực hiện thanh toán các giao dịch cho vay, đi vay; gửi tiền, nhận tiền gửi; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá bằng đồng Việt Nam qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng theo quy định của pháp luật;

c) Không thực hiện đúng quy trình mua bán giấy tờ có giá theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Chi nhánh của tổ chức tín dụng thực hiện giao dịch cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi ngoài phạm vi được trụ sở chính của tổ chức tín dụng ủy quyền bằng văn bản;

b) Thực hiện giao dịch cho vay, đi vay tại các điểm giao dịch ngoài trụ sở chính của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy định về điều kiện tham gia giao dịch cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Không xem xét, đánh giá lại khách hàng theo quy định để xác định lại hạn mức tín dụng đối với từng khách hàng;

c) Không thực hiện đúng quy định về cung cấp thông tin cho bên cho vay để phục vụ cho việc đánh giá khách hàng và xác định hạn mức giao dịch.

5. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán có kỳ hạn các loại giấy tờ có giá không được phép mua, bán.

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện việc đi vay, cho vay, mua, bán giấy tờ có giá bằng ngoại tệ không đúng phạm vi hoạt động ngoại hối được Ngân hàng Nhà nước cấp phép.

7. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 5, 6 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Mục 6
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG

Điều 19. Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động thông tin tín dụng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo duy trì đủ một trong các điều kiện để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng:

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi gian lận, giả mạo các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;

Điều 20. Vi phạm quy định về thu thập, xử lý thông tin tín dụng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thu thập thông tin tín dụng không thuộc phạm vi theo quy định của pháp luật;

b) Thu thập thông tin tín dụng của khách hàng vay khi chưa được sự đồng ý của khách hàng, trừ trường hợp thu thập thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi cố ý làm sai lệch nội dung thông tin tín dụng.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi thu thập trái phép các thông tin thuộc phạm vi, danh mục bí mật của Nhà nước.

4. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ việc thực hiện hoạt động thông tin tín dụng trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 2, 3 Điều này.

5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện ngay việc đính chính thông tin sai lệch đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về an toàn, lưu giữ thông tin tín dụng

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

1. Không ban hành hoặc không thực hiện quy định, quy trình bảo mật, an toàn công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin tín dụng.

2. Không lưu giữ thông tin tín dụng về khách hàng vay trong thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày tổ chức hoạt động thông tin tín dụng tiếp nhận được.

Điều 22. Vi phạm quy định về khai thác, sử dụng sản phẩm, dịch vụ và trao đổi, cung cấp thông tin tín dụng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sao chép sản phẩm thông tin tín dụng để cung cấp cho bên thứ ba không đúng quy định của pháp luật;

b) Sử dụng thông tin tín dụng của khách hàng vay quá 05 năm gần nhất để tạo lập sản phẩm thông tin tín dụng;

c) Không khuyến cáo cho người sử dụng về nguyên tắc, phạm vi sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sửa đổi sản phẩm thông tin tín dụng để cung cấp cho bên thứ ba không đúng quy định của pháp luật;

b) Cung cấp, trao đổi thông tin tín dụng cho tổ chức, cá nhân không liên quan, không đúng đối tượng.

3. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng (giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng) trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 23. Vi phạm quy định về bảo vệ lợi ích hợp pháp của khách hàng vay

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không trả lời khiếu nại của khách hàng vay trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại;

b) Không thực hiện ngay yêu cầu đính chính của khách hàng vay nếu sai sót phát sinh do quá trình xử lý thông tin của tổ chức hoạt động thông tin tín dụng.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức hòa giải về những nội dung khiếu nại của khách hàng vay trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hòa giải của khách hàng vay.

Mục 7
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI VÀ KINH DOANH VÀNG

Điều 24. Vi phạm quy định về hoạt động ngoại hối

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không niêm yết tỷ giá mua, bán ngoại tệ tại địa điểm giao dịch theo quy định của pháp luật;

b) Niêm yết tỷ giá mua, bán ngoại tệ nhưng hình thức, nội dung niêm yết tỷ giá không rõ ràng, gây nhầm lẫn cho khách hàng.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Ký hợp đồng đại lý đổi ngoại tệ với tổ chức không đủ điều kiện làm đại lý đổi ngoại tệ; không hướng dẫn, kiểm tra đại lý đổi ngoại tệ theo quy định của pháp luật;

b) Không thực hiện đúng trách nhiệm của đại lý đổi ngoại tệ theo quy định của pháp luật; làm đại lý đổi ngoại tệ đồng thời cho hai tổ chức tín dụng trở lên;

c) Thanh toán công cụ chuyển nhượng bằng ngoại tệ không đúng quy định về hoạt động ngoại hối quy định tại Điều 9 Luật Các công cụ chuyển nhượng và các quy định pháp luật có liên quan;

d) Không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc mở, đóng tài khoản tại Việt Nam để thực hiện hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài; vay, trả nợ nước ngoài; cho vay, thu hồi nợ nước ngoài và các giao dịch vốn khác;

đ) Không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính đối với việc đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế; đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú; đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn đầu tư và các thủ tục hành chính khác liên quan đến giao dịch vốn khác;

e) Quy định tỷ giá, các khoản chi hoa hồng, môi giới bằng tiền, hiện vật và các hình thức chi khuyến mại trong hoạt động mua, bán ngoại tệ dưới bất kỳ hình thức nào dẫn đến tỷ giá mua, bán, quy đổi thực tế vượt biên độ tỷ giá theo quy định của pháp luật;

g) Mua, bán ngoại tệ giữa cá nhân với nhau; mua, bán ngoại tệ không đúng tỷ giá quy định của Ngân hàng Nhà nước; thu phí giao dịch không đúng quy định của pháp luật;

h) Thực hiện việc rút vốn, trả nợ đối với các khoản vay nước ngoài; giải ngân, thu hồi nợ đối với các khoản cho vay ra nước ngoài; thực hiện thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú; thực hiện chuyển tiền phục vụ hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài không đúng quy định của pháp luật;

i) Chuyển, mang ngoại tệ, đồng Việt Nam ra nước ngoài, vào Việt Nam không đúng quy định của pháp luật, trừ các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mua, bán ngoại tệ tại tổ chức không được phép thu đổi ngoại tệ;

b) Cung ứng dịch vụ thanh toán, chuyển tiền đối với các giao dịch liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và các giao dịch vốn khác không đúng quy định của pháp luật;

c) Quy đổi mệnh giá đồng tiền quy ước không đúng quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, doanh nghiệp kinh doanh casino.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cấp tín dụng hoặc trả nợ trong nước bằng ngoại tệ không đúng quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điều 15 Nghị định này

Cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, các nghiệp vụ cấp tín dụng khác hoặc trả nợ trong nước bằng ngoại tệ không đúng quy định của pháp luật;

b) Mở, đóng, sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài không đúng quy định của pháp luật;

c) Không bán ngoại tệ thu được cho tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

5. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không chấp hành các quy định của pháp luật về vay, trả nợ nước ngoài; cho vay, thu hồi nợ nước ngoài; bảo lãnh cho người không cư trú và các giao dịch vốn khác, trừ các hành vi vi phạm quy định tại các Điểm d, đ, h Khoản 2 và Điểm b Khoản 3 Điều này;

b) Thực hiện giao dịch hối đoái không đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước;

c) Có trạng thái ngoại tệ không đúng quy định của pháp luật.

6. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng ngoại tệ không đúng quy định pháp luật;

b) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh tỷ giá, ngoại hối không đúng quy định của pháp luật;

c) Giao dịch, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận, niêm yết, quảng cáo giá hàng hóa, dịch vụ, quyền sử dụng đất bằng ngoại tệ không đúng quy định của pháp luật;

d) Xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt không đúng quy định của pháp luật.

7. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, tổ chức làm đại lý đổi ngoại tệ, tổ chức khác mà không được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc giấy phép hoạt động ngoại hối đã hết thời hạn hoặc bị đình chỉ, hoặc không đúng nội dung đã quy định trong giấy phép, trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này.

8. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu số ngoại tệ, đồng Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm i Khoản 2, Điểm a Khoản 3, Điểm c Khoản 4 và Điểm a Khoản 6 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng khi vi phạm lần đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

9. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ, văn bản cho phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở ngân hàng nước ngoài trong trường hợp tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 và Điểm b Khoản 4 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về hoạt động kinh doanh vàng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ mà không công bố tiêu chuẩn áp dụng, không ghi nhãn hàng hóa theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không niêm yết công khai giá mua, giá bán vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ; khối lượng, hàm lượng vàng trang sức, mỹ nghệ tại địa điểm giao dịch;

b) Có niêm yết giá mua, giá bán vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ nhưng hình thức, nội dung niêm yết giá không rõ ràng, gây nhầm lẫn cho khách hàng;

c) Vi phạm trách nhiệm của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng khi có thay đổi về mạng lưới chi nhánh, địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo quy định của pháp luật;

d) Mua, bán vàng miếng tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp không có Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;

đ) Thực hiện kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ mà không đáp ứng đủ điều kiện được phép kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện gia công vàng trang sức, mỹ nghệ mà không có đăng ký gia công vàng trang sức, mỹ nghệ trong Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh mua, bán vàng không đúng quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điểm đ Khoản 2 và Điểm a Khoản 7 Điều này;

b) Mang theo vàng khi xuất cảnh, nhập cảnh không đúng quy định của pháp luật, trừ các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan;

c) Thực hiện cung ứng dịch vụ bảo quản vàng miếng không đúng quy định của pháp luật;

d) Thực hiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ khi không đáp ứng, duy trì bảo đảm các điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ nhưng không có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ;

b) Thực hiện kinh doanh mua, bán vàng miếng thông qua các đại lý ủy nhiệm;

c) Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về trạng thái vàng;

d) Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ; vàng nguyên liệu dưới dạng bột, dung dịch, vẩy hàn, muối vàng và các loại vàng trang sức dưới dạng bán thành phẩm không đúng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

đ) Sử dụng vàng miếng nhận bảo quản không đúng quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán;

b) Sử dụng vàng nguyên liệu nhập khẩu không đúng theo giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ; không tái xuất sản phẩm theo Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu do Ngân hàng Nhà nước cấp.

6. Phạt tiền từ 350.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động sản xuất vàng miếng không đúng quy định của pháp luật.

7. Phạt tiền từ 450.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh mua, bán vàng miếng nhưng không có giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;

b) Thực hiện xuất khẩu hoặc nhập khẩu vàng nguyên liệu không có giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật;

c) Hoạt động kinh doanh vàng khác khi chưa được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định của pháp luật.

8. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu số vàng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng trong thời hạn từ 06 tháng đến 09 tháng khi vi phạm lần đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này.

9. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng trong trường hợp tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này;

b) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ trong trường hợp tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Điểm d Khoản 3 Điều này.

Mục 8
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THANH TOÁN, QUẢN LÝ TIỀN TỆ VÀ KHO QUỸ

Điều 26. Vi phạm quy định về thanh toán liên ngân hàng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không chấp hành đúng quy định về tổ chức thanh toán bù trừ, thanh toán bù trừ, thanh toán liên ngân hàng;

b) Không trả lại các bộ chứng từ thanh toán bị sai trong ngày làm việc, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Trả tiền vào tài khoản người nhận sau thời gian quy định;

d) Gửi chứng từ ký quỹ không đúng quy định về thời gian.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không trả lại ngay Lệnh chuyển Có đã bị từ chối hợp lệ; từ chối Lệnh chuyển Nợ có ủy quyền hợp lệ;

b) Giao cho người không được ủy quyền khởi tạo, truyền các giao dịch qua hệ thống thanh toán bù trừ, thanh toán liên ngân hàng.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì đủ khả năng chi trả để thanh toán số tiền phải trả vào thời điểm quyết toán cho toàn bộ các Lệnh thanh toán bù trừ, thanh toán liên ngân hàng trong ngày giao dịch.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cản trở việc vận hành hệ thống thanh toán bù trừ, thanh toán liên ngân hàng;

b) Để lộ hoặc tiết lộ ra ngoài các thông tin không được phép tiết lộ liên quan đến hệ thống thanh toán liên ngân hàng.

5. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ việc tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong thời hạn tối đa 01 năm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

6. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp hạn chế hoặc không cho tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong thời gian chưa khắc phục xong vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định về hoạt động thanh toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không trả lời tra soát, khiếu nại của khách hàng theo quy định của Pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định của pháp luật về thời gian trong thanh toán, chuyển tiền.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa không đúng quy định trên các phương tiện thanh toán, chứng từ thanh toán;

b) Cung cấp, tiết lộ thông tin liên quan đến tiền gửi của chủ tài khoản tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không đúng quy định của pháp luật;

c) Cung cấp thông tin không trung thực trong quá trình cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán;

d) Không tuân thủ quy định của pháp luật về sử dụng và ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán; ký duyệt lệnh thanh toán không đúng thẩm quyền hoặc sử dụng chữ ký điện tử của người khác;

đ) Mở, sử dụng tài khoản thanh toán không đúng quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán không đúng quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi mở tài khoản cho khách hàng, sử dụng tài khoản thanh toán không đúng quy định của pháp luật.

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Làm giả phương tiện thanh toán, lưu giữ, chuyển nhượng, sử dụng phương tiện thanh toán giả;

b) Làm giả chứng từ khi sử dụng dịch vụ trung gian thanh toán;

c) Vi phạm quy định thanh toán bằng tiền mặt;

d) Phát hành, cung ứng, sử dụng các phương tiện thanh toán không hợp pháp.

7. Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi che giấu, thanh toán đối với những khoản tiền có nguồn gốc bất hợp pháp.

8. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3, các Điểm a, b, d Khoản 6 Điều này.

9. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Không cho mở rộng phạm vi, quy mô và địa bàn hoạt động trong thời gian chưa khắc phục xong vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 6 và Khoản 7 Điều này;

b) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

Điều 28. Vi phạm quy định về hoạt động thẻ ngân hàng

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi không thực hiện việc kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy giao dịch tự động.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Lắp đặt, thay đổi địa điểm, chấm dứt hoạt động của máy giao dịch tự động không đúng quy định của pháp luật;

b) Đặt máy giao dịch tự động tại địa điểm mà hệ thống điện cho phòng đặt máy giao dịch tự động và cho máy giao dịch tự động không đáp ứng quy định để máy giao dịch tự động nuốt thẻ của khách hàng khi mất điện nguồn đột ngột;

c) Không đăng ký bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn nơi lắp đặt máy giao dịch tự động trong thời hạn 15 ngày trước khi thực hiện;

d) Không đăng ký chấm dứt hoạt động máy giao dịch tự động tại địa bàn cũ để thực hiện đăng ký lắp đặt máy giao dịch tự động tại địa bàn mới trong trường hợp thay đổi địa điểm máy giao dịch tự động khác địa bàn tỉnh, thành phố;

đ) Không cập nhật những thay đổi thông tin về việc lắp đặt, thay đổi địa điểm, chấm dứt hoạt động máy giao dịch tự động trên trang thông tin điện tử chính thức của mình;

e) Không đảm bảo thời gian phục vụ khách hàng của hệ thống máy giao dịch tự động;

g) Không báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn và thông báo rộng rãi cho khách hàng trong trường hợp máy giao dịch tự động ngừng hoạt động quá 24 giờ;

h) Không duy trì hoạt động bộ phận hỗ trợ khách hàng để khách hàng liên hệ được bất cứ lúc nào;

i) Không giám sát mức tồn quỹ tại máy giao dịch tự động, không đảm bảo máy giao dịch tự động phải có tiền để đáp ứng nhu cầu rút tiền của khách hàng theo quy định.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đảm bảo các yêu cầu đối với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trang bị lần đầu hệ thống máy giao dịch tự động;

b) Không đảm bảo yêu cầu theo quy định của pháp luật đối với máy giao dịch tự động.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo an toàn, bảo mật hoạt động của máy giao dịch tự động.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vi phạm đồng tiền thanh toán trên thẻ;

b) Phân biệt mức giá trong thanh toán thẻ, thu phụ phí từ chủ thẻ đối với các giao dịch thanh toán không đúng quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định khác về thanh toán thẻ qua điểm chấp nhận thẻ.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin thẻ, mua bán, tiết lộ, sử dụng trái phép thông tin thẻ ngân hàng của người khác, làm thẻ giả, thực hiện các giao dịch giả mạo;

b) Phát hành thẻ, thanh toán thẻ không đúng quy định của pháp luật;

c) Thanh toán bù trừ giao dịch thẻ không đúng quy định của pháp luật;

d) Chấp nhận thanh toán thẻ sau khi đã nhận được thông báo về việc thẻ bị từ chối thanh toán.

7. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập, đánh cắp dữ liệu, phá hoại, làm thay đổi trái phép chương trình phần mềm, cơ sở dữ liệu điện tử sử dụng trong thanh toán; lợi dụng lỗi hệ thống mạng máy tính để trục lợi;

b) Mở hoặc duy trì tài khoản thanh toán nặc danh, mạo danh.

8. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Không được ký hợp đồng thanh toán thẻ với các tổ chức thanh toán thẻ khác trong thời gian chưa khắc phục xong vi phạm đối với hành vi vi phạm Điểm b Khoản 5 Điều này;

b) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 5, Điểm a Khoản 6 và Khoản 7 Điều này.

Điều 29. Vi phạm quy định về công cụ chuyển nhượng

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi ký vào công cụ chuyển nhượng không đúng thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thực hiện không đúng quy định về nghĩa vụ của người chấp nhận quy định tại Điều 22 Luật Các công cụ chuyển nhượng;

b) Nhờ thu qua người thu hộ không đúng quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 39 Luật Các công cụ chuyển nhượng.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Chuyển nhượng công cụ chuyển nhượng khi đã biết công cụ chuyển nhượng này quá hạn thanh toán hoặc đã bị từ chối chấp nhận, bị từ chối thanh toán hoặc đã được thông báo bị mất quy định tại Khoản 4 Điều 15 Luật Các công cụ chuyển nhượng;

b) Ký phát séc khi không đủ khả năng thanh toán; phát hành séc sau khi đã bị đình chỉ quyền phát hành séc.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Giả mạo chữ ký trên công cụ chuyển nhượng;

b) Không thực hiện đúng quy định về in, giao nhận và quản lý séc trắng quy định tại các Khoản 2, 3 Điều 64 Luật Các công cụ chuyển nhượng.

5. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ việc thực hiện nghiệp vụ phát hành séc trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này.

6. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

Điều 30. Vi phạm quy định về quản lý tiền tệ và kho quỹ

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không niêm yết công khai tại nơi giao dịch quy định thu đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông của Ngân hàng Nhà nước;

b) Đối tượng được cấp làm mất tiền mẫu; không thực hiện cấp cho các đối tượng được cấp tiền mẫu; không thu hồi tiền mẫu khi có thông báo đình chỉ lưu hành hoặc khi có yêu cầu.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Từ chối đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông cho khách hàng;

b) Không thực hiện đúng quy định về phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý; đóng gói, niêm phong, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, kiểm kê tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 3 và các Điểm b, c, d và đ Khoản 5 Điều này.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không ban hành nội quy vào, ra kho tiền, quầy giao dịch tiền mặt; quy trình giao dịch tiền mặt nội bộ và giao dịch tiền mặt đối với khách hàng;

b) Không có phương án canh gác, bảo vệ kho tiền;

c) Không có nội quy, phương án phòng cháy, chữa cháy đối với kho tiền;

d) Không thực hiện việc tuyển chọn, phân loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lắp đặt các thiết bị an toàn kho tiền, phòng cháy, chữa cháy đối với kho tiền theo quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thực hiện đổi tiền không đúng quy định của pháp luật;

b) Không bảo quản tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá trong thời gian nghỉ buổi trưa theo quy định của pháp luật;

c) Sử dụng và bảo quản chìa khóa cửa kho tiền, gian kho, két sắt, chìa khóa thùng đựng tiền trên xe chuyên dùng không theo quy định của pháp luật;

d) Vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá không sử dụng xe chuyên dùng nhưng không có văn bản quy định về quy trình vận chuyển, bảo vệ, các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản của cấp có thẩm quyền;

đ) Không quy định bằng văn bản điều kiện, quy trình nhận, giao trả tài sản cho khách hàng, trách nhiệm của các bộ phận có liên quan trong việc đảm bảo an toàn tài sản khi làm dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn và các dịch vụ ngân quỹ khác.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng kho tiền không đúng kết cấu và tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng cửa kho tiền không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Vi phạm quy định về bảo vệ tiền Việt Nam

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thông báo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện tiền giả loại mới;

b) Không thông báo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện có dấu hiệu tàng trữ, lưu hành, vận chuyển tiền giả;

c) Bố trí cán bộ làm công tác kiểm ngân, thủ quỹ hoặc giao dịch viên chưa qua đào tạo, tập huấn về kỹ năng nhận biết tiền thật, tiền giả.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Phát hiện tiền giả nhưng không thu giữ;

b) Phát hiện tiền nghi giả nhưng không tạm giữ;

c) Không lập biên bản hoặc thu giữ tiền giả, không đóng dấu, bấm lỗ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về xử lý tiền giả, tiền nghi giả khi thu giữ tiền giả hoặc tạm giữ tiền nghi giả.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi phá hoại, hủy hoại tiền Việt Nam trái pháp luật.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi sao chụp, in ấn, sử dụng bố cục, một phần hoặc toàn bộ hình ảnh, chi tiết, hoa văn của tiền Việt Nam không đúng quy định của pháp luật.

5. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ tang vật, phương tiện thực hiện hành vi vi phạm tại các Khoản 2, 3, 4 Điều này, giao cơ quan có thẩm quyền xử lý.

6. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đóng dấu, bấm lỗ tiền giả theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước về xử lý tiền giả, tiền nghi giả đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy toàn bộ tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này;

c) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Mục 9
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ MUA, ĐẦU TƯ VÀO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Điều 32. Vi phạm quy định về mua, đầu tư vào tài sản cố định

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đối với tổ chức tín dụng hoặc quá 50% vốn được cấp và quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc duy trì tỷ lệ giá trị tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động so với vốn điều lệ, vốn được cấp và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp theo đúng quy định tại Điều 140 Luật Các tổ chức tín dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực;

b) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 33. Vi phạm quy định về kinh doanh bất động sản

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh bất động sản, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 132 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Mục 10
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO ĐẢM AN TOÀN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Điều 34. Vi phạm quy định về duy trì dự trữ bắt buộc

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi không duy trì đủ dự trữ bắt buộc theo quy định của pháp luật.

2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 35. Vi phạm quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định của pháp luật về một trong các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau:

a) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;

b) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;

c) Tỷ lệ tiền gửi trung, dài hạn so với tổng dư nợ cho vay trung, dài hạn.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tỷ lệ khả năng chi trả.

3. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 450.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực đối với hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều này;

b) Không cho mở rộng phạm vi, quy mô và địa bàn hoạt động và bổ sung nghiệp vụ kinh doanh mới trong thời gian chưa khắc phục xong vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều này;

c) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, 3 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 36. Vi phạm quy định về phân loại tài sản có và dự phòng rủi ro

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thực hiện phân loại tài sản có không đúng quy định của pháp luật;

b) Trích lập dự phòng rủi ro không đúng quy định của pháp luật;

c) Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro không đúng quy định của pháp luật;

d) Không có biện pháp thu hồi nợ đầy đủ, triệt để đối với khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro; hoàn nhập số tiền dự phòng rủi ro đã sử dụng không đúng quy định, chuyển khoản nợ đã xử lý bằng dự phòng rủi ro hạch toán nội bảng theo quy định của pháp luật trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực đối với hành vi vi phạm tại Khoản 1 Điều này;

b) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 37. Vi phạm quy định về trích lập và sử dụng các quỹ

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi trích lập hoặc sử dụng các quỹ không đúng quy định của pháp luật.

2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc trích lập các quỹ đúng quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực đối với hành vi vi phạm tại Khoản 1 Điều này.

Mục 11
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 38. Vi phạm quy định về bảo hiểm tiền gửi

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không niêm yết công khai bản sao chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi tại tất cả các điểm giao dịch có nhận tiền gửi;

b) Nộp phí bảo hiểm tiền gửi không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không nộp phí bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi không đúng thời hạn quy định tại Điều 23 Luật Bảo hiểm tiền gửi.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhận bảo hiểm đối với tiền gửi không được bảo hiểm quy định tại Điều 19 Luật Bảo hiểm tiền gửi;

b) Gian lận, giả mạo hồ sơ, tài liệu, giấy tờ về bảo hiểm tiền gửi.

5. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ tiền bảo hiểm;

b) Cản trở, gây khó khăn, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, người được bảo hiểm tiền gửi và cơ quan, tổ chức có liên quan đến bảo hiểm tiền gửi;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.

6. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc niêm yết công khai ngay bản sao chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi đối với hành vi vi phạm được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp ngay số phí bảo hiểm bị thiếu đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này và phải chịu phạt mỗi ngày nộp chậm bằng 0,05% số tiền nộp chậm theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Luật Bảo hiểm tiền gửi;

c) Buộc hoàn trả ngay số phí bảo hiểm đã thu, thu hồi ngay số tiền bảo hiểm đã trả do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này;

d) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 4 và các Điểm a, c Khoản 5 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Mục 12
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Điều 39. Vi phạm quy định về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 8 và Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Điều 40. Vi phạm quy định về quy trình quản lý rủi ro các giao dịch liên quan tới công nghệ mới

Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành quy trình quản lý rủi ro các giao dịch liên quan tới công nghệ mới theo quy định tại Điều 15 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Điều 41. Vi phạm quy định về phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng, biện pháp đánh giá tăng cường quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 12 Luật Phòng, chống rửa tiền.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng quy định phân loại khách hàng, không phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Vi phạm quy định về việc xác định khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị

Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không có hệ thống quản lý rủi ro để xác định khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị theo quy định tại các Khoản 2, 3 Điều 13 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Điều 43. Vi phạm quy định về rà soát khách hàng và giao dịch, quan hệ ngân hàng đại lý

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không rà soát khách hàng và các bên liên quan theo các danh sách cảnh báo trước khi thiết lập mối quan hệ hoặc cung cấp các dịch vụ ngân hàng cho khách hàng.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 14 Luật Phòng, chống rửa tiền khi thiết lập quan hệ ngân hàng đại lý với ngân hàng đối tác nước ngoài;

b) Không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật khi có khách hàng và bên có liên quan nằm trong các danh sách cảnh báo.

Điều 44. Vi phạm quy định về báo cáo giao dịch có giá trị lớn, giao dịch đáng ngờ, giao dịch chuyển tiền điện tử, báo cáo hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo đúng thời hạn quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không báo cáo các giao dịch có giá trị lớn;

b) Không báo cáo các giao dịch đáng ngờ;

c) Không báo cáo các giao dịch chuyển tiền điện tử.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố quy định tại Điều 30 Luật Phòng, chống rửa tiền.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không giám sát đặc biệt đối với các giao dịch có giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp; giao dịch với tổ chức, cá nhân tại quốc gia, vùng lãnh thổ nằm trong danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền hoặc danh sách cảnh báo theo quy định tại Điều 16 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Điều 45. Vi phạm quy định về trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản; niêm phong hoặc tạm giữ tài sản

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không báo cáo việc trì hoãn giao dịch khi các bên liên quan tới giao dịch thuộc danh sách đen hoặc có lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội quy định tại Khoản 3 Điều 33 Luật Phòng, chống rửa tiền;

b) Không báo cáo việc thực hiện phong tỏa tài khoản, niêm phong, tạm giữ tài sản khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống rửa tiền.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch khi các bên liên quan tới giao dịch thuộc danh sách đen hoặc có lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Phòng, chống rửa tiền;

b) Không phong tỏa tài khoản, không áp dụng biện pháp niêm phong hoặc tạm giữ tài sản khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Điều 46. Vi phạm quy định về các hành vi bị cấm trong phòng, chống rửa tiền

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thiết lập hoặc duy trì tài khoản vô danh hoặc tài khoản sử dụng tên giả;

b) Cung cấp trái phép dịch vụ nhận tiền mặt, séc, công cụ tiền tệ khác hoặc công cụ lưu trữ giá trị và thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng tại một địa điểm khác.

3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tổ chức hoặc tạo điều kiện thực hiện hành vi rửa tiền;

b) Thiết lập và duy trì quan hệ kinh doanh với ngân hàng được thành lập tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhưng không có sự hiện diện hữu hình tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó và không chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Mục 13
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 47. Vi phạm quy định về chế độ báo cáo, quản lý và cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Gửi báo cáo không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 44 Nghị định này;

b) Không lưu giữ, bảo quản hồ sơ, tài liệu đúng thời hạn theo quy định của pháp luật; trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

c) Số liệu báo cáo gửi không chính xác từ 02 lần trở lên trong năm tài chính.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không gửi đủ báo cáo hoặc báo cáo không đủ nội dung theo quy định của pháp luật; trừ trường hợp quy định tại các Khoản 2, 3 Điều 44, Khoản 1 Điều 45 Nghị định này.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thay đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Không công bố nội dung thay đổi quy trình tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Báo cáo không trung thực;

b) Cung cấp những thông tin có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà không được phép của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc chưa có sự chấp thuận của khách hàng, trừ trường hợp quy định tại Điều 13 và Điều 14 Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Không cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật;

d) Không bảo đảm bí mật thông tin, tài liệu báo cáo quy định tại Điều 29 Luật Phòng, chống rửa tiền.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Gửi báo cáo về các chỉ tiêu thông tin tín dụng không đúng thời hạn cho Ngân hàng Nhà nước;

b) Báo cáo các chỉ tiêu thông tin tín dụng không chính xác, không kịp thời, không đầy đủ hoặc không đúng yêu cầu kỹ thuật cho Ngân hàng Nhà nước;

c) Không báo cáo thông tin tín dụng cho Ngân hàng Nhà nước (Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam) theo quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước;

d) Không báo cáo thống kê các giao dịch chuyển tiền thanh toán quốc tế ra, vào theo quy định của pháp luật.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không báo cáo ngay cấp có thẩm quyền về nguy cơ mất khả năng chi trả;

b) Không thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Luật Phòng, chống rửa tiền.

7. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Không cho mở rộng phạm vi, quy mô, địa bàn hoạt động và bổ sung nghiệp vụ kinh doanh mới trong thời gian chưa khắc phục xong vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4, Điểm a Khoản 6 Điều này;

b) Buộc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gửi lại báo cáo đầy đủ, chính xác đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 và Điểm a Khoản 4 Điều này;

c) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Mục 14
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẢN TRỞ VIỆC THANH TRA, KHÔNG THỰC HIỆN YÊU CẦU CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

Điều 48. Vi phạm quy định về cản trở việc thanh tra, không thực hiện yêu cầu của người có thẩm quyền

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cản trở, gây khó khăn việc thanh tra, kiểm tra của người có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi trốn tránh việc thanh tra, kiểm tra của người có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi từ chối cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử cho Đoàn thanh tra, kiểm tra hoặc người có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không cung cấp đủ tài liệu, chứng từ, số liệu theo yêu cầu của Đoàn thanh tra;

b) Tự ý tháo bỏ, di chuyển hoặc có hành vi khác làm thay đổi hiện trạng niêm phong gồm: Kho, quỹ, két bạc, sổ sách, chứng từ kế toán, hồ sơ cấp tín dụng hoặc các tang vật đang bị niêm phong, tạm giữ;

c) Không phong tỏa tài khoản, không hủy bỏ phong tỏa tài khoản theo yêu cầu của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cung cấp tài liệu, số liệu sai sự thật;

b) Can thiệp trái pháp luật vào việc xử lý của cấp có thẩm quyền và Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

c) Che giấu, sửa chữa chứng từ, sổ sách hoặc thay đổi tang vật trong khi đang bị thanh tra.

Điều 49. Vi phạm quy định về nghĩa vụ của đối tượng thanh tra, giám sát ngân hàng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;

b) Không thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của Ngân hàng Nhà nước;

c) Không báo cáo, giải trình đối với khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của Ngân hàng Nhà nước.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương III
THỦ TỤC, THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 50. Trình tự, thủ tục, mẫu biên bản và quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Trình tự, thủ tục, mẫu biên bản và mẫu quyết định để sử dụng trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 51. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Thanh tra viên ngân hàng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 7, Điểm a Khoản 6 Điều 31, Điểm a Khoản 4 Điều 35, Điểm a Khoản 2 Điều 36, Khoản 2 Điều 37, Điểm c Khoản 6 Điều 38 Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp về một hoặc một số hoạt động, dịch vụ ngân hàng và một số hoạt động kinh doanh khác thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng hoặc đình chỉ có thời hạn đối với một hoặc một số hoạt động ngân hàng và một số hoạt động kinh doanh khác được Ngân hàng Nhà nước cấp phép có vi phạm quy định của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng theo phân cấp, ủy quyền;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp về một hoặc một số hoạt động, dịch vụ ngân hàng và một số hoạt động kinh doanh khác thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng hoặc đình chỉ có thời hạn đối với một hoặc một số hoạt động ngân hàng và một số hoạt động kinh doanh khác được Ngân hàng Nhà nước cấp phép có vi phạm quy định của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng theo phân cấp, ủy quyền;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 250.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

5. Trưởng đoàn thanh tra do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng ra quyết định có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

Trưởng đoàn thanh tra do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ra quyết định có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

6. Thẩm quyền xử phạt của các cơ quan khác được thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy, Cục trưởng Cục Quản lý xuất cảnh, nhập cảnh khi phát hiện cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hành vi vi phạm quy định về quản lý ngoại hối và kinh doanh vàng tại Khoản 1; Điểm g, i Khoản 2; Khoản 3; các Điểm b, c Khoản 4 và Khoản 7 Điều 24; các Khoản 2, 3, các Điểm a, b, d, đ Khoản 4, Điểm a Khoản 5 và Khoản 7 Điều 25 Nghị định này có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này; đồng thời phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước biết;

b) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao khi phát hiện cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều 27, các Khoản 4, 6, 7 Điều 28 có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này; đồng thời phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước biết.

Điều 52. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Những người sau đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này khi đang thi hành công vụ;

b) Công chức khi đang thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 45 Luật Xử lý vi phạm hành chính, khi phát hiện cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Điểm c Khoản 6 Điều 24 và các Điểm a, b Khoản 2 Điều 25 Nghị định này có trách nhiệm lập biên bản đối với hành vi vi phạm hành chính và chuyển cho người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử phạt theo quy định tại Nghị định này; đồng thời phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương biết.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 12 năm 2014 và thay thế Nghị định số 202/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về xử

phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, Nghị định số 95/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 202/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Điều 54. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính về tiền tệ và ngân hàng xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện nhưng còn thời hiệu xử phạt hoặc đang trong quá trình xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 202/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng; Nghị định số 95/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 202/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng để giải quyết.

Điều 55. Trách nhiệm thi hành

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng